

## GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Ngày 14 tháng 11 năm 2013

1	Tên Công ty quản lý quỹ:	Công Ty TNHH Một Thành Viên Quản Lý Quỹ ACB
2	Tên Ngân hàng giám sát:	Ngân Hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)
3	Tên Quỹ:	Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng ACB (ACBGF)
4	Ngày lập báo cáo:	Ngày 15 tháng 11 năm 2013

Đơn vị tính: VND/%

STT	CHỈ TIÊU	KỲ BÁO CÁO	KỲ TRƯỚC
A	Giá trị tài sản ròng		
A.1	Giá trị đầu kỳ		
	<i>của quỹ</i>	261 687 224 149	261 326 284 898
	<i>của một chứng chỉ quỹ</i>	10 900	10 885
A.2	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ		
	<i>của quỹ</i>	262 037 525 790	261 687 224 149
	<i>của một chứng chỉ quỹ</i>	10 915	10 900
A.3	Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ trong kỳ, trong đó	15	15
	<i>Thay đổi do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ</i>	15	15
	<i>Thay đổi do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ</i>		
A.4	Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất		
	<i>Giá trị cao nhất (VND)</i>	291 465 247 651	291 465 247 651
	<i>Giá trị thấp nhất (VND)</i>	260 617 305 704	260 617 305 704
B	Giá trị thị trường (giá đóng của cuối phiên giao dịch trong ngày báo cáo) của một chứng chỉ Quỹ		
B.1	Giá trị đầu kỳ	8 400	7 900
B.2	Giá trị cuối kỳ	8 400	8 400
B.3	Thay đổi giá trị thị trường trong kỳ so với kỳ trước		500
B.4	Chênh lệch giữa giá thị trường của một chứng chỉ Quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ		
	<i>Chênh lệch tuyệt đối (VND)</i>	- 2 515	- 2 500
	<i>Chênh lệch tương đối (mức độ chiết khấu (-)/thặng dư (+))</i>	-23.04%	-22.94%
B.5	Giá trị thị trường cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất		
	<i>Giá trị cao nhất (VND)</i>	13 400	13 400
	<i>Giá trị thấp nhất (VND)</i>	7 900	7 900

Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)

Trụ sở Chính: 100 Phố Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM



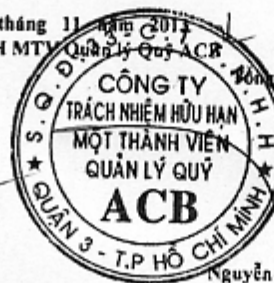
Ngày 15 tháng 11 năm 2013

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB

Kế toán trưởng

*(Signature)*

Phạm Trâm Như Nguyễn



Chủ tịch Hội đồng Giám đốc

Nguyễn Minh Tuấn